



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	1
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5

Số tham chiếu: 60755035/14674413

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt kèm theo từ trang 2 đến trang 5 đã được lập ra. Báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi được lập vào ngày 20 tháng 01 năm 2011 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã được lập ra.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã phù hợp và nhất quán trên các khía cạnh trọng yếu với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt phải được xem xét cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất năm mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này đã được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán độc lập tương ứng.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Võ Tân Hoàng Văn
 Phó Tổng Giám đốc
 Kiểm toán viên công chứng
 Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2011



Hoàng Thị Hồng Minh
 Kiểm toán viên phụ trách
 Kiểm toán viên công chứng
 Số đăng ký: 0761/KTV

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	912.185	461.293
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	453.495	793.789
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	30.467.551	25.210.364
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	30.375.903	21.149.884
Cho vay các TCTD khác	102.000	4.076.045
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(10.352)	(15.565)
Chứng khoán kinh doanh	82.692	67.876
Chứng khoán kinh doanh	92.825	77.357
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(10.133)	(9.481)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
Cho vay khách hàng	31.521.535	23.698.496
Cho vay khách hàng	31.829.535	23.871.616
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(308.000)	(173.120)
Chứng khoán đầu tư	28.473.181	11.092.973
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	28.501.392	11.112.651
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(28.211)	(19.678)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	533.582	218.112
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	533.582	218.112
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản cố định	615.381	258.567
Tài sản cố định hữu hình	149.111	118.274
Nguyên giá tài sản cố định	225.311	172.692
Hao mòn tài sản cố định	(76.200)	(54.418)
Tài sản cố định thuê tài chính	309.726	-
Nguyên giá tài sản cố định	312.780	-
Hao mòn tài sản cố định	(3.054)	-
Tài sản cố định vô hình	156.544	140.293
Nguyên giá tài sản cố định	188.245	165.856
Hao mòn tài sản cố định	(31.701)	(25.563)
Bất động sản đầu tư	72.022	48.400
Nguyên giá bất động sản đầu tư	72.800	48.400
Hao mòn bất động sản đầu tư	(778)	-
Tài sản có khác	22.204.459	2.032.174
Các khoản phải thu	2.254.509	1.416.860
Các khoản lãi, phí phải thu	1.553.632	538.641
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Có khác	18.396.318	76.673
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	115.336.083	63.882.044

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.833.172	29.243
Tiền gửi và vay các TCTD khác	33.358.864	23.832.614
Tiền gửi của các TCTD khác	33.099.544	21.482.755
Vay các TCTD khác	259.320	2.349.859
Tiền gửi của khách hàng	48.626.708	30.053.287
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	78.869	3.973
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.271.144	-
Phát hành giấy tờ có giá	12.195.320	5.368.259
Các khoản nợ khác	1.644.417	1.041.216
Các khoản lãi, phí phải trả	821.529	542.811
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	293.281	113.013
Các khoản phải trả và công nợ khác	503.802	367.542
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	25.805	17.850
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	109.008.494	60.328.592
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ	6.327.589	3.553.452
Vốn của TCTD	5.528.610	3.180.607
Vốn điều lệ	5.000.000	3.000.000
Vốn đầu tư XDCB	607	607
Thặng dư vốn cổ phần	528.003	180.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	381.583	216.155
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	417.396	156.690
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	115.336.083	63.882.044

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Các bảo lãnh đưa ra	5.463.677	1.199.747
Các cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.311.068	1.915.720
Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng, ký quỹ bảo lãnh	<u>(978.796)</u>	<u>(424.463)</u>
	5.795.949	2.691.004

Người lập:

Kế toán viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Người phê duyệt

Kế toán Trưởng
Bà Nguyễn Thị Lũy

Người phê duyệt



Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.246.078	4.041.658
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(6.326.175)	(2.763.209)
Thu nhập lãi thuần	1.919.903	1.278.449
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	248.498	148.192
Chi phí hoạt động dịch vụ	(41.477)	(25.450)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	207.021	122.742
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(106.983)	87.768
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(12.496)	(7.708)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	389.390	64.292
Thu nhập từ hoạt động khác	124.550	57.679
Chi phí hoạt động khác	(14.329)	(560)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	110.221	57.119
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	73.007	42.482
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	2.580.063	1.645.144
Chi phí hoạt động		
Chi phí tiền lương	(418.307)	(248.251)
Chi phí khấu hao	(33.804)	(22.599)
Chi phí hoạt động khác	(472.096)	(238.270)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(924.207)	(509.120)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.655.856	1.136.024
Chi phí dự phòng cho vay TCTD	-	(15.565)
Chi phí dự phòng cho vay khách hàng và cam kết ngoại bảng	(186.824)	(145.155)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	49.156	30.011
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.518.188	1.005.315
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(361.071)	(232.429)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(361.071)	(232.429)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.157.117	772.886
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3.511	3.555

Người lập:

Kế toán viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người phê duyệt

Kế toán Trưởng
Bà Nguyễn Thị Lũy

Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn

C P 3 C 16